

**Phụ lục I**  
**ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC QUÂN SỰ NĂM 2026**

| TT        | Tên trường/Đối tượng             | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú                                                                                                                                        |
|-----------|----------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | <b>Tổng cộng</b>                 |                           |                                                                                                                                                |
| <b>1</b>  | <b>HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ</b> |                           |                                                                                                                                                |
| a)        | Miền Bắc                         |                           |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nam                     | 27.61                     |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nữ                      | 28.65                     |                                                                                                                                                |
| b)        | Miền Nam                         |                           |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nam                     | 26.62                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 26,62:<br>- Điểm cộng = 0,00.<br>- Điểm thi QDA $\geq 103$ hoặc thi THPT có điểm môn Toán $\geq 9,50$ . |
|           | Thí sinh Nữ                      | 29.03                     |                                                                                                                                                |
| <b>2</b>  | <b>HỌC VIỆN QUÂN Y</b>           |                           |                                                                                                                                                |
|           | <b>Ngành Y khoa</b>              |                           |                                                                                                                                                |
| a)        | Miền Bắc                         |                           |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nam                     | 28.39                     |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nữ                      | 29.60                     |                                                                                                                                                |
| <b>b)</b> | <b>Miền Nam</b>                  |                           |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nam                     | 27.75                     |                                                                                                                                                |
|           | Thí sinh Nữ                      | 29.76                     |                                                                                                                                                |

| TT         | Tên trường/Đối tượng             | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú                                                                  |
|------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| <b>3</b>   | <b>HỌC VIỆN HẬU CẦN</b>          |                           |                                                                          |
| a)         | Thí sinh Nam miền Bắc            | 26.97                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 26,97: Điểm môn Toán = 10,0.      |
| b)         | Thí sinh Nam miền Nam            | 25.65                     |                                                                          |
| <b>4</b>   | <b>HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ</b> |                           |                                                                          |
| <b>4.1</b> | <b>Ngành Ngôn ngữ Anh</b>        |                           |                                                                          |
| a)         | Thí sinh Nam                     | 27.49                     |                                                                          |
| b)         | Thí sinh Nữ                      | 29.76                     |                                                                          |
| <b>4.2</b> | <b>Ngành Ngôn ngữ Nga</b>        |                           |                                                                          |
| a)         | Thí sinh Nam                     | 26.64                     |                                                                          |
| b)         | Thí sinh Nữ                      | 27.32                     |                                                                          |
| <b>4.3</b> | <b>Ngành Trinh sát kỹ thuật</b>  |                           |                                                                          |
| a)         | Thí sinh Nam miền Bắc            | 27.61                     |                                                                          |
| b)         | Thí sinh Nam miền Nam            | 26.03                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 26,03: Điểm ưu tiên $\leq 0,28$ . |
| <b>5</b>   | <b>HỌC VIỆN HẢI QUÂN</b>         |                           |                                                                          |
| a)         | Thí sinh Nam miền Bắc            | 24.75                     |                                                                          |
| b)         | Thí sinh Nam miền Nam            | 24.07                     |                                                                          |
| <b>6</b>   | <b>HỌC VIỆN PK-KQ</b>            |                           |                                                                          |

| TT       | Tên trường/Đối tượng                             | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú                                                                                                                                                                                 |
|----------|--------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | <b>Ngành CHTM PK-KQ và<br/>Tác chiến điện tử</b> |                           |                                                                                                                                                                                         |
| a)       | Thí sinh Nam miền Bắc                            | 23.50                     |                                                                                                                                                                                         |
| b)       | Thí sinh Nam miền Nam                            | 21.85                     |                                                                                                                                                                                         |
| <b>7</b> | <b>HỌC VIỆN BIÊN PHÒNG</b>                       |                           |                                                                                                                                                                                         |
|          | <b>Ngành Biên phòng</b>                          |                           |                                                                                                                                                                                         |
| a)       | Thí sinh Nam miền Bắc                            | 23.96                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 23,96:<br>- Điểm ưu tiên $\leq 0,21$ .<br>- Điểm môn Ngữ Văn $\geq 8,75$ .                                                                       |
| b)       | Thí sinh Nam Quân khu 4                          | 24.68                     |                                                                                                                                                                                         |
| c)       | Thí sinh Nam Quân khu 5                          | 21.75                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 21,75: Điểm ưu tiên $\leq 0,50$ .                                                                                                                |
| d)       | Thí sinh Nam Quân khu 7                          | 22.75                     |                                                                                                                                                                                         |
| đ)       | Thí sinh Nam Quân khu 9                          | 22.50                     |                                                                                                                                                                                         |
| <b>8</b> | <b>TRƯỜNG SQ LỤC QUÂN 1</b>                      |                           |                                                                                                                                                                                         |
|          | Thí sinh Nam miền Bắc                            | 25.33                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 25,33:<br>- Điểm ưu tiên $\leq 0,33$ .<br>- Điểm môn Toán $\geq 9,00$ ; thí sinh có điểm môn Toán mức 9,00 phải có điểm môn Vật lý $\geq 8,25$ . |
| <b>9</b> | <b>TRƯỜNG SQ LỤC QUÂN 2</b>                      |                           |                                                                                                                                                                                         |
| a)       | Thí sinh Nam Quân khu 4                          | 25.28                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 25,28: Điểm môn Toán $\geq 9,00$ .                                                                                                               |

| TT        | Tên trường/Đối tượng       | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
|-----------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| b)        | Thí sinh Nam Quân khu 5    | 23.70                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 23,70: Điểm ưu tiên $\leq 0,45$ hoặc có điểm ưu tiên = 0,70 và điểm môn Toán $\geq 9,00$ .                                                                     |
| c)        | Thí sinh Nam Quân khu 7    | 23.56                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 23,56: Điểm thi V-ACT $\geq 806$ hoặc thi THPT có điểm môn Toán $\geq 8,25$ .                                                                                  |
| d)        | Thí sinh Nam Quân khu 9    | 24.18                     |                                                                                                                                                                                                       |
| <b>10</b> | <b>TRƯỜNG SQ CHÍNH TRỊ</b> |                           |                                                                                                                                                                                                       |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc      | 24.75                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 24,75: Điểm cộng = 0,00.                                                                                                                                       |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam      | 21.50                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 21,50:<br>- Điểm ưu tiên $\leq 0,50$ .<br>- Thí sinh có điểm ưu tiên = 0,50 thì phải có điểm thi QDA $\geq 78$ hoặc thi THPT có điểm môn Ngữ văn $\geq 6,25$ . |
| <b>11</b> | <b>TRƯỜNG SQ PHÁO BINH</b> |                           |                                                                                                                                                                                                       |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc      | 23.48                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 23,48: Thí sinh thi THPT có điểm môn Toán $\geq 9,00$ .                                                                                                        |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam      | 22.89                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 22,89: Điểm thi QDA $\geq 84$ , điểm Toán học và xử lý số liệu $\geq 15$ .                                                                                     |
| <b>12</b> | <b>TRƯỜNG SQ CÔNG BINH</b> |                           |                                                                                                                                                                                                       |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc      | 24.00                     | Thí sinh mức điểm 24,00:<br>- Điểm ưu tiên = 0,00.<br>- Điểm thi QDA $\geq 90$ ; điểm Toán học và xử lý số liệu $\geq 27$ .                                                                           |

| TT        | Tên trường/Đối tượng         | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú                                                                                                                                                |
|-----------|------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam        | 21.80                     |                                                                                                                                                        |
| <b>13</b> | <b>TRƯỜNG SQ THÔNG TIN</b>   |                           |                                                                                                                                                        |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc        | 24.20                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 24,20:<br>- Điểm ưu tiên $\leq 0,20$ .<br>- Điểm thi QDA $\geq 90$ hoặc thi THPT có điểm môn Toán $\geq 8,50$ . |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam        | 23.72                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 23,72: Thí sinh thi THPT có điểm môn Toán $\geq 8,50$ và điểm môn Vật lý $\geq 8,00$ .                          |
| <b>14</b> | <b>TRƯỜNG SQ TĂNG T.GIÁP</b> |                           |                                                                                                                                                        |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc        | 24.40                     |                                                                                                                                                        |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam        | 22.85                     |                                                                                                                                                        |
| <b>15</b> | <b>TRƯỜNG SQ PHÒNG HOÁ</b>   |                           |                                                                                                                                                        |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc        | 25.05                     |                                                                                                                                                        |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam        | 23.96                     |                                                                                                                                                        |
| <b>16</b> | <b>TRƯỜNG SQ ĐẶC CÔNG</b>    |                           |                                                                                                                                                        |
| a)        | Thí sinh Nam miền Bắc        | 24.20                     | Tiêu chí phụ đối với thí sinh mức điểm 24,20: Điểm thi QDA $\geq 90$ , điểm Toán học và xử lý số liệu $\geq 28$ .                                      |
| b)        | Thí sinh Nam miền Nam        | 23.25                     |                                                                                                                                                        |

| TT          | Tên trường/Đối tượng                              | Điểm chuẩn<br>trúng tuyển | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------------------|---------------------------|---------|
| <b>17</b>   | <b>TRƯỜNG SQ KỸ THUẬT QUÂN SỰ</b>                 |                           |         |
| a)          | Thí sinh Nam miền Bắc                             | 26.27                     |         |
| b)          | Thí sinh Nam miền Nam                             | 25.46                     |         |
| <b>18</b>   | <b>TRƯỜNG SQ KHÔNG QUÂN</b>                       |                           |         |
| <b>18.1</b> | <b>Phi công quân sự</b><br>Thí sinh Nam toàn quốc | 23.96                     |         |
| <b>18.2</b> | <b>Thiết bị bay không người lái</b>               |                           |         |
| a)          | Thí sinh Nam miền Bắc                             | 23.62                     |         |
| b)          | Thí sinh Nam miền Nam                             | 23.47                     |         |